

Lời Đầu Sách

ĐẤT PHƯƠNG NAM
của Người Long Hồ
Trọn bộ 2 cuốn hơn 1600 trang.
Giá bán \$60. LL 714-774-4717
NguoiLongHo@gmail.com
Có thể xem trọn bộ trên trang website:
www.SucManhCongDong.info

Kính thưa quý vị,

Từ ngày dân ta chỉ sống thành những bộ tộc du canh, đến khi các vua Hùng lập quốc, rồi Bắc thuộc, rồi độc lập, rồi mở đất về phương Nam... dân tộc ta đã trải qua bao thăng trầm. Nước Việt Nam từ thời các vua Hùng cho đến khi Ngô Quyền thu hồi nền tự chủ vào năm 939, lãnh thổ cũng chỉ từ biên giới Trung Hoa đến đèo Hoành Sơn⁽¹⁾. Nghĩa là từ trước thế kỷ thứ 10, đất nước chúng ta chỉ vón vện từ Thanh Hóa trở ra Ải Nam Quan. Đến đời Lê Thánh Tông, khoảng năm 1470, biên giới phía Nam của Đại Việt cũng chỉ mới đến Đèo Cả⁽²⁾. Tuy nhiên, chỉ trong vòng chưa đầy 2 thế kỷ dưới thời các chúa Nguyễn, đất nước Việt Nam đã liền một dải từ Ải Nam Quan xuống tận đến Mũi Cà Mau. Do hoàn cảnh địa lý và lịch sử, chúng ta nằm sát nách về phía Nam của một dân tộc lớn và đã từng có quá trình lịch sử thôn tính nhiều nước nhỏ quanh vùng, nên dân tộc ta luôn phải chịu áp lực nặng nề từ phương Bắc, và con đường duy nhất để giải tỏa bớt áp lực ấy là phải tiến dần về phương Nam, nên ngay sau thời tự chủ, trải qua các triều đại, các vị minh quân Việt Nam luôn nghĩ đến việc mở mang bờ cõi về phương Nam, dù hồi ấy dân Champa cũng là một dân tộc hùng cường và không dễ bị chinh phục, vì họ cũng có một nền văn hóa cao và một quân đội tinh nhuệ, thường mang quân sang đánh phá biên giới phía Nam của nước ta, không phải do sự hiếu chiến của họ như vài người đã nói, mà có thể vì những lý do khách quan cũng như chủ quan. Chẳng hạn như vào thời vua Trần Anh Tông, vua Champa là Chế Mân đã dâng sớ lễ là hai châu Ô-Lý để cưới công chúa Huyền Trân, nhưng sau khi Chế Mân chết, Đại Việt lại cho người sang cướp Huyền Trân về nước. Thế là từ sau năm 1307 đến năm 1390, Champa đã khởi động không biết bao nhiêu cuộc binh biến chỉ vì cho rằng Đại Việt đã không sòng phẳng trong vấn đề này. Thật tình mà nói, Champa là một vương quốc với một nền văn minh đã một thời chói rạng ở Đông Nam Á⁽³⁾, nhưng phải nói sức sống và sức Nam tiến của dân ta dù chậm như tằm ăn dâu, nhưng rất mãnh liệt. Dù sức mạnh quân sự đã làm cho Champa tan vỡ nhanh chóng, nhưng chính sức sống của dân tộc Việt Nam đã phá vỡ những thành lũy kiên cố của Champa chứ không phải chỉ là sức mạnh quân sự. Đến khi các chúa bắt đầu mở cõi về vùng Thủy Chân Lạp, vùng đất đã từng là lãnh địa của vương quốc Phù Nam từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII, rồi sau khi Phù Nam bị triệt tiêu, người Chân Lạp trở thành chủ nhân ông của vùng đất này cho đến khi người Việt Nam bắt đầu tràn xuống phía Nam. Phải thành thật mà nói, trong suốt hơn mười thế kỷ làm chủ vùng đất này, người Chân Lạp chưa bao giờ tỏ ra có hứng thú xác lập chủ quyền của mình tại đây. Với họ, có lẽ vùng đồng bằng sông Cửu Long không hiện lên một sức quyến rũ nào đáng kể, nên chỉ có một ít người Khmer phiêu lưu đi về vùng đất này chỉ để sống hòa mình với thiên nhiên, chứ không phải để khai phá. Trong khi đối với người Việt Nam thì vùng đất này lại mang đến cho họ một sức

quyến rũ hết sức đặc biệt. Thế nên, đầu cha anh chúng ta đã phải dò dẫm từng bước trong những vùng rừng rậm hoang vu, nhưng vùng đất ma thiêng nước độc chỉ khơi thêm sức sống của họ, chứ chưa bao giờ là rào cản trong bước tiến của tiền nhân. Đối với cha anh chúng ta, hình ảnh của mảnh đất miền Nam lúc nào cũng là hình ảnh của ruộng lúa đầy đồng, hình ảnh của cá tôm đầy ruộng, dù lúc đó trước mặt họ chỉ toàn là rừng rậm với đầy đủ những hoang thú. Trở về với thời cha anh đi khẩn hoang đất phương Nam chúng ta mới thấy trân quý những gì mà chúng ta đang có hôm nay. Từ một miền đất hoang vu thế mà chỉ trong vòng chưa đầy bốn thế kỷ sau đó cha anh chúng ta đã để lại cho chúng ta một vựa lúa lớn nhất cả nước, và một vùng đất có thủy hải sản cũng lớn nhất cả nước. Thật là kỳ thú với lịch sử thành hình của vùng đất này. Cách đây khoảng 20 ngàn năm về trước khi các khối băng thạch ở hai cực Bắc Nam của địa cầu tan rã thì mực nước biển dâng lên thật nhanh, khiến phần lớn vùng thềm lục địa Việt Nam hiện tại bị chìm dưới mặt nước biển. Riêng tại vùng mà bây giờ chúng ta gọi là Nam Kỳ trở thành một vùng trũng ngập nước quanh năm tại các vùng Cần Giuộc, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng và Cà Mau. Nếu không nhờ sự bồi đắp của dòng Mekong thì có lẽ giờ đây các vùng này hãy còn chìm dưới mực nước biển. Rồi cách nay khoảng trên 10 ngàn năm, vùng đất này đã xảy ra các giai đoạn biển tiến và biển lùi. Và vào khoảng 6.000 năm trước, có đợt biển tiến, làm cô lập các giồng đất cao. Hiện vẫn còn các di tích tại các giồng trong huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nhất là Giồng Tân Hiệp. Cuối cùng, khoảng 5.000 năm trước lại xảy ra hiện tượng biển lùi, mực nước biển rút dần. Tuy vậy, trong khoảng từ 4.000 đến 2.700 năm trở lại đây, những dao động biển khá rõ rệt, những cồn cát miền duyên hải hạ lưu sông Mékong lại hiện ra, lộ hẳn lên khỏi mặt nước biển. Từ đó trở về sau này vùng đất Nam Kỳ của chúng ta cứ tiếp tục được dòng Mékong bồi đắp cho được hình thể như ngày nay.

Nói về lịch sử Nam Tiến của dân tộc ta, mà không kể công lao của các chúa Nguyễn, thì quả là một thiếu sót lớn lao. Các chúa Nguyễn đã áp dụng những sách lược khôn khéo trong việc mở cõi về phương Nam, vừa hòa hoãn mà cũng vừa quyết liệt. Sau khi vùng biên trấn của Đại Việt đã được mở rộng đến vùng Phú Yên vào năm 1611, các chúa nhà Nguyễn đã khôn khéo đốt giai đoạn thay vì phải đi ngang qua những khu rừng lá từ các vùng Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết và Long Khánh, vân vân, các chúa Nguyễn đã làm một bước nhảy vọt vào vùng Bà Rịa-Vũng Tàu, rồi Đồng Nai, Sài Gòn, Gia Định, Hà Tiên, Mỹ Tho, Long Hồ, Tân An, Gò Công, Trà Vinh, Sóc Trăng, và cuối cùng là các vùng Long Xuyên, Châu Đốc, và Sa Đéc. Đến thế kỷ thứ 19 thì diện tích của nước Việt Nam đã gấp đôi so với diện tích Đại Việt hồi thế kỷ thứ 10. Tuy nhiên, ai trong chúng ta cũng phải thừa nhận rằng không chỉ riêng các chúa Nguyễn có công mở nước. Nói đến công lao mở nước về phương Nam, chúng ta không thể không ghi nhớ công ơn của bao nhiêu người đã đổ rất nhiều công lao kể cả mồ hôi, nước mắt và xương máu để khai phá, xây dựng, và phát triển vùng đất trù phú cho chúng ta thừa hưởng hôm nay. Từ công nữ Ngọc Vạn, đến quan

Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh, đến quan Thượng Công Lê Văn Duyệt, đến Thoại Ngọc Hầu, đến ngay cả những người Minh Hương đã đến đất nước này, dù mục đích chuyển đi của họ là chối bỏ Thanh triều, nhưng khi sang đến Việt Nam họ đã góp phần không nhỏ trong công cuộc ổn định và phát triển miền đất Nam Kỳ này. Ngoài ra, còn biết bao anh hùng vô danh, biết bao nhân sĩ, nhà văn hóa, nhà kinh doanh đã góp phần mở mang vùng đất này về các phương diện xã hội, kinh tế, văn hóa.

Nói về sưu khảo và nghiên cứu lịch sử mở đất phương Nam từ trước đến nay đã có rất nhiều người làm như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Huỳnh Minh, Vương Hồng Sển, vân vân, và một ít học giả khác cũng đã có công tìm tòi nghiên cứu về miền Nam như anh Hứa Hoành với bộ sách nhiều tập mang tựa đề “Nam Kỳ Lục Tỉnh.” Tuy nhiên, nếu so sánh với những người làm cùng một công việc này cho miền Bắc và miền Trung, thì lịch sử Nam Kỳ còn cần nhiều lắm những bàn tay của con dân xứ ấy đóng góp vào. Trong chiều hướng đó, biên soạn tập sách “Đất Phương Nam” trước tiên tác giả Người Long Hồ xin bày tỏ lòng biết ơn sâu xa đến các bậc tiền nhân dựng nước và giữ nước, cũng như những bậc tiền hiền và hậu hiền đã đi tiên phong trong công cuộc mở cõi và phát triển bờ cõi về phương Nam. Kế đến, tác giả mong rằng tập sách này sẽ mang lại một chút thoải mái cho những ai có niềm thao thức tìm hiểu về miền Nam, và nếu có thể được, góp một phần nhỏ trong công cuộc tìm hiểu lịch sử của vùng đất mới, nhưng lại là vùng đất mang lại đầy sinh khí cho dân tộc, là vựa lúa cho cả nước, là niềm hy vọng vươn lên của cả dân tộc. Trong khi biên soạn tập sách “Đất Phương Nam”, tác giả đã dùng nhiều danh xưng khác nhau để chỉ vùng đất này như “Nam Kỳ”, “Nam Bộ”, “Nam Phần”, “Đất Phương Nam”, và “Một Mảnh Trời Nam”, vân vân. Danh xưng “Nam Kỳ” đã có từ thời vua Minh Mạng. Đến thời Pháp thuộc, họ vẫn tiếp tục sử dụng danh xưng “Nam Kỳ”. Đến tháng 3 năm 1945, vì muốn xóa bỏ danh xưng của người Pháp nên Thống Sứ Nhật là Nishimura đã ký sắc lệnh đổi “Nam Kỳ” ra “Nam Bộ”. Thời Việt Nam Cộng Hòa, người ta thường sử dụng danh xưng “Nam Phần”. Trong khi từ “Đất Phương Nam” là danh xưng mà người ta thường sử dụng hồi còn khấn hoang. Còn riêng từ “Một Mảnh Trời Nam” là tiếng mà tác giả hay dùng để gọi cái vùng đất mà một thời tác giả đã có quá nhiều kỷ niệm. Tác giả cũng xin quý độc giả niệm tình tha thứ nếu có sự trùng lặp về các sự kiện lịch sử trong các bài viết, vì đôi khi những sự kiện lịch sử này có liên hệ mật thiết với nhau nên không thể không nhắc lại.

Tác giả xin kính cẩn tưởng niệm đến hương linh của ông ngoại và ông chú Ba, những con dân kỳ cựu của Vĩnh Long, đã kể lại cho cháu nghe về “Thành Xưa Tích Cũ” và những vùng đất mà hai ông đã đi qua trong xứ Nam Kỳ Lục Tỉnh, cũng như tưởng nhớ đến hai anh Hứa Hoành và Nguyễn hữu Trí với những đêm trà đàm “Nhớ Về Vĩnh Long và Nam Kỳ Lục Tỉnh” tại vùng 9, trại tỵ nạn Bataan, Philippines, vào những tháng ngày cuối năm 1984. Đồng thời, tác giả cũng xin thành kính tưởng niệm đến nhạc phụ và nhạc mẫu là ông Tân Ngọc Phiêu và bà Trần thị Phàn; song thân là ông Lê văn Thuận và bà Trần Thị Sửu là những bậc sanh thành dưỡng dục đã hun

đúc cho con thành một con người đậm tình với Đất Phương Nam. Tác giả cũng xin chân thành cảm tạ tất cả Thầy Cô cựu giáo sư trường Trung học Tổng Phước Hiệp, nhất là giáo sư Đào Khánh Thọ và giáo sư Võ Thị Ngọc Dung, những người đã mớm cho tác giả những kiến thức vào đời; nếu không có sự dạy dỗ của quý thầy cô, chắc hẳn đời này kiếp này tác giả sẽ không bao giờ có cơ may hoàn thành được tập sách này. Đồng thời, tác giả cũng xin trân trọng cảm ơn Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Liêm qua những lần nói chuyện trong các kỳ Đại Hội Họp Mặt Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Trường Tổng Phước Hiệp, thầy luôn nhắc nhở những người đi sau về công ơn của tiền nhân trong công cuộc khai khẩn, định hình, và phát triển vùng đất Đồng Nai-Cửu Long, mà đức Tả Quân Lê văn Duyệt là một thí dụ điển hình. Mong rằng tập sách “Đất Phương Nam” này thể hiện được phần nào về sự nhớ ơn tiền nhân của đàn hậu bối chúng ta.

Tác giả cũng nhân đây gửi lời tri ân đến hiền phụ Tương Thục và các con Thanh Phú, Thanh Mỹ và Thiện Phú, cũng như anh Khái, chị Tuyển Thục, chị Tuân Thục, chị Ngọc Nhi, cùng các em Ngọc Châu, Ngọc Sương, Ngọc Trước, Ngọc Đào, Bích Vân, Thanh Tùng, Cách, Tùng, Thuần, và tất cả bằng hữu đã hết lòng hỗ trợ về mặt tinh thần cho sự thành tựu của tập sách này. Đặc biệt, tác giả xin chân thành cảm ơn anh Khái, em Lê Ngọc Châu và thầy giáo Thành đã giúp tìm kiếm tài liệu và sách tham khảo trong những điều kiện vô cùng khó khăn khi phải tìm đến những nhà sách cũ trong các hang cùng ngõ hẻm từ Sài Gòn, đến Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Hà Tiên, Rạch Giá, Mỹ Tho và Cao Lãnh...

Cuối cùng, người viết xin thành thật cáo lỗi trước, vì đây không phải là một tập biên khảo, mà chỉ là những chi tiết được ông bà kể lại hay những mẩu chuyện được các bậc đàn anh kể cho nghe trong những buổi trà mạn đàm, nên rất có thể không chính xác về địa danh hay niên đại.

Trân trọng

Người Long Hồ

Anaheim ngày 3 tháng 8 năm 2011

- (1) Tức đèo Ngang, giữa tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- (2) Vùng Phú Yên ngày nay.
- (3) Trong thập niên 1930 đến 1940, trường Viễn Đông Bác Cổ đã phát hiện nhiều đền tháp cổ và một số bia ký vùng duyên hải Trung Phần, vùng lãnh địa của vương quốc Champa ngày trước. Nổi bậc nhất là khu di tích Mỹ Sơn-Trà Kiệu, với hơn 70 ngôi đền và tháp cổ có niên đại từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 13. Vương quốc này bắt đầu suy tàn kể từ thế kỷ thứ 14, đến thế kỷ thứ 19, nó như ngọn đèn gần hết dầu trước bão táp phong ba. Toàn bộ vương quốc lúc đó chỉ còn co cụm tại vùng đất Panduranga (các vùng Phan Rang, Phan Rí, và Phan Thiết ngày nay).